

Số: 110/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1980. CCCD số 0480800004347, cấp ngày 20/12/2022. Địa chỉ: L N, phường S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. CCCD số: 049185007975, cấp ngày 29/5/2025. Địa chỉ: Tổ A phường S thành phố Đà Nẵng.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng). Vợ chồng chung sống đến năm 2025 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau, không đồng quan điểm từ mâu thuẫn này kéo theo các mâu thuẫn khác, mặc dù vợ chồng cũng đã tìm biện pháp để dung hòa nhưng không có kết quả. Nay bà T và ông N xác định không còn tình cảm yêu thương nhau nữa và đề nghị Tòa án

giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N xác định có 02 con chung là Trần Bảo N1, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Bảo N2, sinh ngày 14/12/2017. Ly hôn, thỏa thuận giao cả 02 con cho bà T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần văn N và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông bà đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0000675 ngày 20/01/2026.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Bảo N1, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Bảo N2, sinh ngày 14/12/2017 cho bà T nhận trực tiếp nuôi dưỡng và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi

ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông bà đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0000675 ngày 20/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu, TPĐN.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

đã ký

Lương Thị Anh